

Bản án số: 29/2024/HS-ST

Ngày: 21-6-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Sinh.

Ông Bùi Nguyễn Tuyết Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Vũ Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 6 năm 2024 đối với các bị cáo:

1/. Bùi Mạnh H, sinh ngày 05 tháng 4 năm 1970 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp Gò D, xã Bình Ph, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trung Ng, sinh năm 1934 (chết) và con bà Hoàng Thị Tr, sinh năm 1937 (chết); có vợ Trần Thị B, sinh năm 1974; có 02 người con: Lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 2008; có 06 anh chị em; bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền sự: Không; tiền án: Không; tạm giữ: Ngày 05-01-2024; tạm giam: Ngày 08-01-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Hồng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/. Trần Thị B, sinh ngày 09 tháng 9 năm 1974 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp Gò D, xã Bình Ph, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ch, sinh năm 1949 và con bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1950; có chồng Bùi Mạnh H, sinh năm 1970; có 02 người con: Lớn sinh năm 1995 và nhỏ sinh năm 2008; có 07 anh chị

em; bị cáo là con thứ hai trong gia đình; tiền sự: Không; tiền án: Không; tạm giữ: Ngày 05-01-2024; tạm giam: Ngày 08-01-2024. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tân Hồng. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/. Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1970.

2/. Nguyễn Thanh H, sinh năm 1961 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp K, xã Phú H, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của Huỳnh Thị Kim H và Nguyễn Thanh H là ông Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1965; cư trú: Ấp K, xã Phú H, huyện Tam N, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

3/. Lê Văn H, sinh năm 1975 (có đơn xin vắng mặt).

Cư trú: Khóm Sở Th, phường An L, thành phố Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Lâm Thành T, sinh năm 1977 (có mặt).

2/. Bùi Thị Tuyết L, sinh năm 1983 (có mặt).

Cùng cư trú: Ấp Gò D, xã Bình Ph, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

3/. Bùi Ngọc Th, sinh năm 1992 (có mặt).

Cư trú: Ấp Long S, xã Thông B, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

4/. Trần Chí D, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cư trú: Kh, phường An Th, thành phố Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp.

Người làm chứng: Đào Văn Ph, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Cư trú: Khóm Sở Th, phường An L, thành phố Hồng Ng, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trần Thị B và bị cáo Bùi Mạnh H là vợ chồng, ngụ ấp Gò D, xã Bình Ph, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp. Do không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên bị cáo B và bị cáo H, nảy sinh ý định tìm người bán nền nhà cụm tuyến dân cư Tân Thành - Lò gạch thuộc ấp Gò Da, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nên vào ngày 30-6-2022 và ngày 06-12-2022, bị cáo B và bị cáo H dùng thủ đoạn gian dối kêu bán 03 nền nhà cho anh Lê Văn H và chị Huỳnh Thị Kim H, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 06-2022 (không nhớ ngày) anh Đào Văn Ph, ở thành phố Hồng N, tỉnh Đồng Tháp có quen biết với bị cáo B và

nghe thông tin từ bị cáo B kêu bán 01 nền nhà số 7 (nay là thửa 15, tờ bản đồ số 89, do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng quản lý) tuyến kênh Tân Thành - Lò gạch thuộc ấp Gò Da, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nên đến ngày 30-6-2022 anh Ph và anh Lê Văn H đến nhà bị cáo B và bị cáo H để mua nền nhà số 7, sau khi thỏa thuận giá là 300.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo B và bị cáo H đồng ý bán thì hai bên tiến hành ký kết hợp đồng. Với nội dung là bị cáo B và bị cáo H đồng ý bán (chuyển nhượng) thửa đất nền số 7, lô A, chiều ngang 06m, chiều dài 24m, tổng diện tích 144m² tại tuyến dân cư kênh Tân Thành - Lò gạch thuộc ấp Gò Da, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp với giá 300.000.000 đồng, anh Lê Văn H đưa cọc trước 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 04-7-2022 sẽ ra công chứng làm thủ tục sang tên thì anh H trả thêm 100.000.000 đồng còn lại. Đến ngày 04-7-2022 bị cáo B và bị cáo H không chuyển nhượng cho anh H theo hợp đồng đã ký kết nên anh H nhiều lần điện thoại yêu cầu bị cáo B và bị cáo H làm thủ tục chuyển nhượng nhưng không thực hiện. Do nghi ngờ bị cáo B và bị cáo H có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của mình nên anh H tố cáo đến Công an xã Bình Phú, huyện Tân Hồng.

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 12-2022 (không nhớ ngày) anh Huỳnh Ngọc L (là anh ruột chị Huỳnh Thị Kim H) có quen biết với bị cáo B khi đi trên xe buýt, bị cáo B giới thiệu là ở gần nhà có quán cà phê “Cổng mặt trời” kêu cho thuê lại, với giá 50 triệu đồng/01 năm, nghe thông tin nên anh L thấy chị H trước đây có ý định kinh doanh trong lĩnh vực này. Do đó, anh L xin số điện thoại của bị cáo B để tiện việc liên lạc, khi về đến nhà anh L kể lại cho chị H nghe, sau đó anh L điện thoại cho bị cáo B và hẹn đến xem quán cà phê “Cổng mặt trời”, khi đến huyện Tân Hồng thì anh L, chị H và anh Nguyễn Thanh H (chồng chị H) được bị cáo B dẫn đến quán nước Ngọc Hậu, ngụ Khóm 1, thị trấn Sa Rài, huyện Tân Hồng uống nước. Sau khi uống nước xong thì bị cáo B kêu anh L, vợ chồng chị H đến xem quán cà phê “Cổng mặt trời”. Khi vào quán thì chị H nói chuyện với bị cáo B việc thuê quán và nhờ giúp đỡ thì bị cáo B trả lời “chủ quán không có ở nhà” nên bị cáo B mời anh L, vợ chồng chị H về nhà. Khi về nhà thì bị cáo B nói chuyện qua lại với vợ chồng chị H, lúc này cũng có mặt bị cáo H. Sau đó bị cáo B nói có 02 nền tuyến dân cư Tân Thành - Lò gạch thuộc ấp Gò Da, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đang thế chấp ngân hàng số tiền 200.000.000 đồng và kêu bán 02 nền nhà với giá 600.000.000 đồng nên chị H đồng ý mua với giá 600.000.000 đồng và thỏa thuận đưa cọc 200.000.000 đồng, sau tết đưa thêm 200.000.000 đồng để bị cáo B trả nợ ngân hàng, còn lại 200.000.000 đồng đến khi nào làm thủ tục chuyển quyền thì chị H trả đủ tiền. Sau khi thỏa thuận xong bị cáo B và bị cáo H đến nhà chị H ngụ xã Phú Hiệp, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp lấy tiền cọc 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 06-12-2022, vợ chồng chị H đến nhà bị cáo B và bị cáo H xem 02 nền nhà. Sau khi xem 02 nền nhà số 10 và số 11 xong thì vợ chồng chị H đưa cọc thêm 150.000.000 đồng, tổng cộng là 200.000.000 đồng và tiến hành ký kết hợp đồng mua bán (chuyển nhượng) đất, thửa đất nền số 10 (thửa số 10), lô A (nay là thửa 40, tờ

bản đồ số 90 do ông Bùi Ngọc Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và nền nhà số 11 (thửa số 11), lô A (nay là thửa 41, tờ bản đồ số 90, do ông Lâm Thành đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), mỗi 01 nền có chiều ngang 06m, chiều dài 24m, tổng diện tích 144m², tại tuyến dân cư Tân Thành - Lò gạch thuộc ấp Gò Da, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp với giá 600.000.000 đồng, chị H đặt cọc trước 200.000.000 đồng, đến ngày 20-02-2023 sẽ ra công chứng làm thủ tục chuyển quyền cho chị H thì trả thêm 400.000.000 đồng. Đến ngày 20-02-2023 chị Hồng điện thoại cho bị cáo B nhiều lần nhưng bị cáo B hứa hẹn nhưng không chịu chuyển quyền. Sau đó, chị H tìm hiểu thì được biết thửa đất nền số 10, 11, lô A, tại tuyến dân cư Tân Thành - Lò Gạch thuộc ấp Gò Da, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp không phải do bị cáo B và bị cáo H đứng tên quyền sử dụng đất. Do nghi ngờ bị cáo B và bị cáo H có hành vi gian dối chiếm đoạt tiền của mình nên chị H tố cáo đến Công an xã Bình Phú, huyện Tân Hồng.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội thì các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H đã bỏ trốn khỏi địa phương nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng ra quyết định truy nã, đến ngày 05-01-2024 bị bắt.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình do không có tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên dùng thủ đoạn gian dối kêu bán 03 nền nhà của người khác, chứ thật tế không có nền nhà số 7, số 10 và số 11 tại tuyến dân cư Tân Thành - Lò Gạch thuộc ấp Gò Da, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Vật chứng của vụ án thu giữ:

- 01 hợp đồng mua bán đất ngày 30-6-2022 giữa các bị cáo Bùi Mạnh H, Trần Thị B với Lê Văn H.
- 01 hợp đồng mua bán đất ngày 06-12-2022 giữa các bị cáo Bùi Mạnh H; Trần Thị B với Huỳnh Thị Kim H.
- Các tờ cam kết ký tên Bùi Mạnh H.

Trong quá trình điều tra, xác định được nền nhà số 7 (thửa số 7) lô A, nay là thửa 15, tờ bản đồ số 89, chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng quản lý; nền nhà số 10 (thửa số 10) lô A, nay là thửa 40, tờ bản đồ số 90 do ông Bùi Ngọc Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; nền nhà số 11 (thửa số 11), lô A, nay là thửa 41, tờ bản đồ số 90, do ông Lâm Thành T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Các thửa đất trên thì ông Th, ông và Ủy ban nhân dân huyện Tân Hồng không có bán hay chuyển nhượng sang tên cho ai hết.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSTH ngày 15-4-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp đã truy tố Trần Thị B và Bùi Mạnh H đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố.

Tại cơ quan điều tra bị hại Lê Văn H yêu cầu bị cáo Bùi Mạnh H và bị cáo Trần Thị B liên đới bồi thường trả lại số tiền 75.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại Nguyễn Thanh H và người đại diện ủy quyền của bị hại Huỳnh Thị Kim H là ông Huỳnh Ngọc L yêu cầu bị cáo Bùi Mạnh H và bị cáo Trần Thị B liên đới bồi thường trả lại số tiền 200.000.000 đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thống nhất cùng liên đới bồi thường trả lại số tiền cho bị hại Lê Văn H 75.000.000 đồng và trả cho Nguyễn Văn H, Huỳnh Thị Kim H 200.000.000 đồng.

Tại phần luận tội, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị Bích; Bùi Mạnh Hùng phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; có cha ông Bùi Trung Ng được Chủ tịch Hội đồng nhà nước (nay là Thủ tướng Chính phủ) tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; có chú ruột ông Bùi Văn S là liệt sĩ; chú ruột ông Bùi Văn Đ được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; có bà nội Dương Thị Ch được Chủ tịch nước truy tặng bà mẹ Việt nam anh hùng; đã tự nguyện khắc phục trả lại số tiền 125.000.000 đồng cho bị hại Lê Văn H; tại phiên tòa các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Bùi Mạnh H được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo Bùi Mạnh H với vai trò giúp sức nghe theo lời bị cáo Trần Thị B, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử dưới khung hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị B mức án từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù.

Đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 54 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh H mức án từ 05 (năm) năm đến 06 (sáu) năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584; 585; 586; 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo Trần Thị B và bị cáo Bùi Mạnh H có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Lê Văn H số tiền 75.000.000 đồng và bị hại Nguyễn Thanh H, Huỳnh Thị Kim H số tiền 200.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án gồm: 01 hợp đồng mua bán đất ngày 30-6-2022 giữa các bị cáo Bùi Mạnh H, Trần Thị B với Lê Văn H; 01 hợp đồng mua bán đất ngày 06-12-2022 giữa các bị cáo Bùi Mạnh H; Trần Thị B với Huỳnh Thị Kim H và các tờ cam kết ký tên Bùi Mạnh H.

Tại phần tranh luận: Các bị cáo; các bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tranh luận.

Tại lời nói sau cùng: Các bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hồng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng, Kiểm sát viên trong quá trình tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự. Từ khi khởi tố vụ án cho đến tại phiên tòa sơ thẩm những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Xét thấy các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, lời khai thừa nhận thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H phù hợp với nội dung Cáo trạng truy tố; phù hợp với vật chứng thu giữ được; lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người tham gia tố tụng khác và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đây là vụ án lừa đảo chiếm đoạt tài sản do các bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, các bị cáo đã có hành vi gian dối chiếm đoạt của bị hại Lê Văn H số tiền 200.000.000 đồng và vợ chồng bị hại Nguyễn Thanh H, Huỳnh Thị Kim H số tiền 200.000.000 đồng, tổng cộng số tiền mà bị cáo B và bị cáo H chiếm đoạt là 400.000.000 đồng.

[3] Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo B; H là người trên 18 tuổi đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực hành vi chịu trách nhiệm hình sự. Xuất phát từ lòng tham của bản thân, các bị cáo đã hai lần bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các bị hại. Lời thú nhận tội của

các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và các chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án. Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Điều luật trên quy định:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”.

Điều 17 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”.

[4] Xét thấy, hành vi của các bị cáo B; H là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại, gây hoang mang, lo lắng trong cộng đồng dân cư trên địa bàn nơi xảy ra phạm tội nói riêng và tỉnh Đồng Tháp nói chung, chỉ vì muốn có tiền mà các bị cáo đã bằng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án này, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là vụ án hình sự mang tính chất đồng phạm giản đơn, do bị cáo B và bị cáo H thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo B giữ vai trò chính là người đề xướng và kêu bán 03 nền nhà số 7; 10 và 11 còn bị cáo H là người giúp sức nghe theo lời vợ là bị cáo B cùng thực hiện hành vi là dùng thủ đoạn gian dối bán 03 nền nhà số 7; số 10 và số 11 tại tuyến dân cư Tân Thành - Lò Gạch thuộc ấp Gò Da, xã Bình Phú, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp cho các bị hại Lê Văn H lấy tiền cọc là 200.000.000 đồng; Huỳnh Thị Kim H lấy tiền cọc là 200.000.000 đồng, tổng số tiền là 400.000.000 đồng mục đích trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Do đó cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, có xem xét vai trò của từng bị cáo, cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm có điều kiện giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, cũng để răn đe và phòng ngừa chung. Nhưng Hội đồng xét xử có xem xét đến tình tiết tăng nặng; tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và về nhân thân cho các bị cáo.

[05] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Thị Bí; Bùi Mạnh H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; có cha ông Bùi Trung Ng được Chủ tịch Hội đồng nhà nước (nay là Thủ tướng Chính phủ) tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhì; có chú ruột ông Bùi Văn S là liệt sĩ; chú ruột ông Bùi Văn Đ được Chủ tịch nước tặng Huy chương kháng chiến hạng nhất; có bà nội Dương Thị Ch được Chủ tịch nước truy tặng bà mẹ Việt Nam anh hùng; đã tự nguyện khắc phục trả lại số tiền 125.000.000 đồng cho bị hại Lê Văn H và các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Bùi Mạnh H được Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do bị cáo Bùi Mạnh H với vai trò giúp sức nghe theo lời bị cáo Trần Thị B, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử dưới khung hình phạt cho bị cáo cũng phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát.

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584; 585; 586; 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bị cáo Trần Thị Bí; Bùi Mạnh H và các bị hại:

Bị cáo Trần Thị B và bị cáo Bùi Mạnh H có trách nhiệm cùng liên đới bồi thường trả lại cho bị hại Lê Văn H số tiền 75.000.000 đồng và bị hại Nguyễn Thanh H, Huỳnh Thị Kim H số tiền 200.000.000 đồng.

[7] Về xử lý vật chứng: Đã lưu vào hồ sơ vụ án và xử lý xong nên không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Thị B; Bùi Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và cùng liên đới chịu 13.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét thấy phát biểu luận tội; đề nghị mức hình phạt; trách nhiệm dân sự; của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Thị B đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Thị B 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 05-01-2024.

2. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; Điều 17; Điều 38; Điều 58; các điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Bùi Mạnh H đồng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Bùi Mạnh H 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 05-01-2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự và các Điều 584; 585; 586; 587 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Bị cáo Trần Thị B và bị cáo Bùi Mạnh H có trách nhiệm cùng liên đới bồi thường trả lại cho bị hại Lê Văn H số tiền 75.000.000 đồng và bị hại Nguyễn Thanh H, Huỳnh Thị Kim H số tiền 200.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Đã lưu vào hồ sơ vụ án và xử lý xong nên không xem xét.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Điều 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị B và bị cáo Bùi Mạnh H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và cùng liên đới chịu 13.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo; các bị hại; các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 21-6-2024). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND tỉnh ĐT;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐT;
- VKSND huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Cơ quan CSĐT CA Tân Hồng, ĐT;
- Cơ quan THAHS CA Tân Hồng, ĐT;
- CC THADS huyện Tân Hồng, tỉnh ĐT;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tựu